

# CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## HỢP ĐỒNG CUNG CẤP SẢN PHẨM PHẦN MỀM

Số: 88 /2018/HĐPPM/H55-VIKING

Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH11 ngày 24/11/2015 của Quốc hội

Căn cứ Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội;

Căn cứ Luật Đấu Thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 và Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 57/2016/TT-BCA ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thực hiện mua sắm tài sản, hàng hoá trong Công an nhân dân.

Căn cứ Quyết định số 1053/QĐ-H41-H60 ngày 06/08/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu "*Xây dựng hệ thống quản lý cấp phát tài sản vật tư, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt, chuyên dùng tại kho Bộ Công an*";

Căn cứ kết quả đàm phán thương thảo hợp đồng ngày 06/08/2018 giữa Phòng Tài chính và quản lý công sản, Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, Bộ Công an và Công ty Cổ phần cổ phần công nghệ Viking;

Hôm nay, ngày 06 tháng 08 năm 2018 tại Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật, số 80 Trần Quốc Hoàn, Cầu Giấy, Hà Nội chúng tôi đại diện các bên ký hợp đồng gồm:

### **BÊN A: TỔNG CỤC HẬU CẦN - KỸ THUẬT, BỘ CÔNG AN**

Ông: Nguyễn Văn Chuyên Chức vụ: Phó Tổng cục trưởng phụ trách Tổng cục

Bà : Lê Phương Thúy Chức vụ: Trưởng phòng H55

Địa chỉ: số 80 Trần Quốc Hoàn, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 0692348310 Fax: 0437938107

### **BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIKING**

Ông: Nguyễn Tuấn Dũng Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: Phong 1002, Tầng 10 tòa nhà Thăng Long, 98 Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 024.85829280 Fax: 024.85829281

Mã số thuế: 0104877363

Tài khoản: 36388550001

Mã Citad: 01358001 *vm*



Tại: Ngân hàng TMCP Tiên Phong, chi nhánh Trung hòa Nhân chính, Hà Nội.

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng cung cấp phần mềm với các điều khoản cụ thể sau đây:

#### **Điều 1: Đối tượng hợp đồng**

Bên A đặt hàng Bên B xây dựng hệ thống quản lý cấp phát tài sản vật tư, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt, chuyên dùng tại kho Bộ Công an (*chi tiết tại phụ lục 01 kèm theo*).

#### **Điều 2 : Thành phần của hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng và phụ lục kèm theo.
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn thầu.
4. Hồ sơ mời thầu.
5. Hồ sơ dự thầu.
6. Các tài liệu liên quan

#### **Điều 3: Trách nhiệm bên A**

- Tạo điều kiện và cử cán bộ phối hợp với bên B trong quá trình khảo sát, thu thập thông tin phục vụ xây dựng và triển khai phần mềm. Cung cấp cho bên B đầy đủ yêu cầu của hệ thống, quy trình nghiệp vụ, danh mục bản mã, biểu mẫu thông tin đầu vào, đầu ra.
- Tổ chức kiểm tra kỹ thuật, nghiệm thu và tiếp nhận sản phẩm phần mềm khi bên B có yêu cầu.
- Bố trí địa điểm đào tạo, triệu tập học viên, tạo điều kiện và cử cán bộ phối hợp với bên B trong quá trình đào tạo chuyển giao công nghệ, hướng dẫn sử dụng.
- Có trách nhiệm thanh toán kinh phí kịp thời cho bên B theo nội dung đã ghi trong Điều 5 của hợp đồng và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

#### **Điều 4: Trách nhiệm của bên B**

- Khảo sát, phân tích thiết kế, xây dựng phần mềm “Xây dựng hệ thống quản lý cấp phát tài sản vật tư, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt, chuyên dùng tại kho Bộ Công an” đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật trong HSDT và yêu cầu của HSMT.
- Triển khai cài đặt, đào tạo chuyển giao công nghệ, hướng dẫn sử dụng đảm bảo đúng đề xuất trong HSDT và yêu cầu của HSMT.



- Bàn giao sản phẩm phần mềm (bao gồm chương trình cài đặt và mã nguồn) lưu trên đĩa CD) cho bên A đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật và đúng tiến độ của Hợp đồng.

#### **Điều 5: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán**

**Giá trị Hợp đồng:** 1.876.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm bảy mươi sáu triệu đồng chẵn) (giá không bao gồm thuế GTGT)..

#### **Phương thức và điều kiện thanh toán:**

Trong vòng 5 ngày làm việc sau khi hai bên ký hợp đồng, Bên B nộp một bảo lãnh thực hiện hợp đồng có giá trị bằng 3% tổng giá trị hợp đồng và một bảo lãnh tiền tạm ứng có giá trị bằng 50% giá trị hợp đồng do ngân hàng phát hành được Bên A chấp nhận. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B như sau:

- + Đợt 1: Bên A tạm ứng cho bên B 50% tổng giá trị hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực và bên B có công văn đề nghị chuyển tiền.
- + Đợt 2: Thanh toán cho bên B 50% tổng giá trị hợp đồng còn lại và giải tỏa 100% giá trị bảo lãnh tiền tạm ứng sau khi bên B xuất trình các biên bản: kiểm tra kỹ thuật, cài đặt hướng dẫn sử dụng phần mềm và bộ chứng từ thanh quyết toán đúng hợp đồng quy định và hoàn thành thủ tục thanh lý hợp đồng, kèm theo một Bảo lãnh bảo hành và bên B có công văn đề nghị thanh toán.

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản Bên B.

- Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam

- Bảo lãnh tiền tạm ứng có hiệu lực trong 60 ngày kể từ ngày bên B nhận được tiền tạm ứng và chỉ được giải tỏa khi có công văn của bên A (chủ tài khoản) gửi ngân hàng giải tỏa. Trường hợp thời hạn của bảo lãnh hết hạn mà bên B chưa nghiệm thu được phần mềm thì bên B có trách nhiệm gia hạn bảo lãnh cho đến khi phần mềm được nghiệm thu đầy đủ theo quy định của hợp đồng

#### **Điều 6: Tiêu chuẩn kỹ thuật, bản quyền và bảo mật thông tin:**

- Cung cấp sản phẩm phần mềm, các yêu cầu về dịch vụ đảm bảo số lượng, chất lượng, tiến độ trong HSDT theo đúng yêu cầu của HSMT.
- Toàn bộ mã nguồn, bản quyền phần mềm thuộc về Chủ đầu tư. Bên B phải, đảm bảo các phần mềm, công nghệ sử dụng để phát triển sản phẩm, giải pháp phần mềm cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm Luật Sở hữu trí tuệ và sẽ chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh do khiếu nại của bên thứ ba gây ra.
- Phần mềm đáp ứng đầy đủ về tính năng và chỉ tiêu kỹ thuật. Triển khai, cài đặt phần mềm và thực hiện các dịch vụ kèm theo đúng hồ sơ mời thầu. *hmr*

- Các bên chỉ được sử dụng các thông tin và tài liệu liên quan nhằm thực hiện các công việc được quy định tại hợp đồng này. Không được phép tiết lộ thông tin, tài liệu liên quan nếu không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của bên kia.

- Các tài liệu bên A cung cấp cho bên B nhằm thực hiện hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của bên A. Khi bên A có yêu cầu, bên B sẽ phải hoàn trả lại các tài liệu đó.

- Nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của bên A, bên B không được tiết lộ nội dung Hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, thông tin do bên A hoặc đại diện bên A đưa ra cho bất cứ ai không phải là người liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng.

#### **Điều 7: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng:**

- Thời gian nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Trong vòng 5 ngày làm việc sau khi hợp đồng được ký chính thức.
- Hình thức bảo lãnh thực hiện hợp đồng: Bảo lãnh qua ngân hàng.
- Giá trị bảo lãnh: bằng 3% tổng giá trị hợp đồng là: 56.000.000 đồng (Năm mươi sáu triệu đồng chẵn).

- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng có hiệu lực 90 ngày kể từ khi phát hành. Trường hợp thời hạn hiệu lực của bảo lãnh hết hạn mà bên B chưa thực hiện xong nghĩa vụ trong hợp đồng, trước 05 ngày bảo lãnh hết hạn bên B có trách nhiệm gia hạn bảo lãnh cho đến khi bên B thực hiện xong nghĩa vụ của hợp đồng.

#### **Điều 8: Điều kiện nghiệm thu**

Bên A tiến hành kiểm tra nghiệm thu sản phẩm phần mềm của hợp đồng theo các bước sau:

Bước 1: Sau khi bên B hoàn thành việc khảo sát, phân tích thiết kế hệ thống, xây dựng phần mềm, cài đặt chạy thử, bên A sẽ tiến hành tổ chức kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật sản phẩm phần mềm. Phần mềm đáp ứng yêu cầu yêu cầu hợp đồng mới được bàn giao đưa vào triển khai.

Bước 2: Sau khi bên B hoàn thành việc triển khai cài đặt, đào tạo chuyển giao công nghệ, hướng dẫn sử dụng đáp ứng yêu cầu của hợp đồng, yêu cầu của HSMT, đáp ứng yêu cầu công tác, bên A tổ chức nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

#### **Điều 9. Sản phẩm bàn giao và hồ sơ, chứng từ kèm theo.**

Bên B có trách nhiệm bàn giao cho bên A sản phẩm phần mềm và các hồ sơ chứng từ kèm theo.

- Hoá đơn theo quy định của Bộ Tài Chính. *hm*



- Tài liệu khảo sát, Tài liệu phân tích thiết kế hệ thống: 02 bộ
- Bộ chương trình phần mềm (bao gồm chương trình cài đặt và mã nguồn) lưu trên đĩa CD: 02 bộ.
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 02 bộ.
- Biên bản kiểm tra, nghiệm thu kỹ thuật, bàn giao sản phẩm phần mềm.
- Biên bản nghiệm thu hoàn thành cài đặt, đào tạo hướng dẫn sử dụng.

**Điều 10: Thời gian thực hiện Hợp đồng:** 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực thực hiện.

#### **Điều 11: Bảo hành sản phẩm**

- Phần mềm được bảo hành 12 tháng được tính từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.
- Địa điểm bảo hành phần mềm tại đơn vị sử dụng.

Sau khi nhận được yêu cầu bảo hành chính thức bằng văn bản hay điện thoại của bên A, bên B có trách nhiệm nghiên cứu và đề xuất khắc phục lỗi chậm nhất là 48 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.

- Các dịch vụ bảo hành bao gồm việc sửa lỗi phần mềm do bên B cung cấp. Sau khi hết thời gian bảo hành, bên B cam kết hỗ trợ, khắc phục lỗi phần mềm xảy ra trong quá trình bên A sử dụng nếu có yêu cầu.

**Điều 12: Loại Hợp đồng:** Hợp đồng trọn gói.

**Điều 13: Bồi thường thiệt hại, phạt do vi phạm hợp đồng.**

Nếu vi phạm thời gian bàn giao sản phẩm Hợp đồng, bên B phải chịu mức phạt như sau:

- Phạt 2% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm tính cho 10 ngày chậm đầu tiên và phạt 1% cho từng đợt 10 ngày chậm tiếp theo cho đến khi nội dung công việc trong hợp đồng được thực hiện nhưng tổng các lần phạt không quá 8% phần giá trị hợp đồng bị vi phạm ở 10 ngày chậm đầu tiên.

- Nếu bên B hoàn toàn không giao được sản phẩm thì bên A không thanh toán bất cứ khoản chi phí nào liên quan và bên B bị phạt 8% tổng giá trị hợp đồng, đồng thời bên B phải hoàn trả lại bên A số tiền mà bên A đã chuyển thanh toán cho bên B và chịu lãi suất theo qui định của Ngân hàng

**Điều 14: Khiếu nại, tranh chấp và trọng tài.**

Mọi tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu không giải quyết được bằng thương lượng, sẽ đưa ra toà án có thẩm quyền xét xử. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thực hiện. Mọi chi phí cho việc xét xử bên thua kiện chịu.

**Điều 15: Hiệu lực của Hợp đồng**

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và hết hiệu lực khi hai bên ký thanh lý hợp đồng.

Hợp đồng được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A  
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG  
PHỤ TRÁCH TỔNG CỤC**



**Nguyễn Văn Chuyên**

**TRƯỞNG PHÒNG H55**

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Lê Phương Thúy".

**Lê Phương Thúy**

**ĐẠI DIỆN BÊN B  
GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Tuấn Dũng**





## PHỤ LỤC SỐ 01: YÊU CẦU KỸ THUẬT

“Xây dựng hệ thống quản lý cấp phát tài sản vật tư, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt, chuyên dùng tại kho Bộ Công an”

(Kèm theo Hợp đồng số 88 /2018/HDPM/H55-VIKING ngày 06/08/2018)

### I. Yêu cầu chung:

#### 1. Yêu cầu về công nghệ:

- Ngôn ngữ C#, nền tảng .NET
- Cơ sở dữ liệu: Microsoft SQL Server 2016
- Giao diện: Windows Form

#### 2. Yêu cầu về giao diện:

- Giao diện thân thiện, dễ sử dụng, đảm bảo đầy đủ các chức năng phần mềm
- Font chữ: Tiêu chuẩn Font Unicode TCVN 6909:2001

#### 3. Yêu cầu về bảo mật, sao lưu, nâng cấp:

- Sử dụng công nghệ bảo mật sẵn có của hệ điều hành
- Bảo mật cơ sở dữ liệu: Dựa vào cơ chế bảo mật cơ sở dữ liệu của Microsoft SQL Server 2016.
- Bảo mật chương trình: Phân quyền truy cập người sử dụng.
- Có quy trình sao lưu, phục hồi dữ liệu.
- Có khả năng nâng cấp, mở rộng.

### II. Yêu cầu cụ thể:

TT	Chức năng	Yêu cầu kỹ thuật
1	<b>Xây dựng chức năng quản trị hệ thống</b>	
1.1	+ Quản trị các danh mục:	Tạo mới, xem, sửa, xóa danh mục
1.2	+ Quản trị quyền truy cập, khai thác, sử dụng hệ thống	Tạo mới, xem, sửa, xóa quyền truy cập, khai thác, sử dụng hệ thống
1.3	+ Quản trị người dùng	Tạo mới, xem, sửa, xóa người sử dụng
1.4	+ Khóa phiếu	Thực hiện khóa phiếu không cho chỉnh sửa phiếu chứng từ
1.5	+ Mở khóa phiếu	Thực hiện mở khóa phiếu đã khóa để chỉnh sửa thông tin bị sai
1.6	+ Chuyển số dư sang năm sau	Kết chuyển số dư cuối kỳ sang năm sau
1.7	+ Xây dựng chức năng sao lưu dữ liệu	Thực hiện sao lưu cơ sở dữ liệu hệ thống

*thư*



1.8	+ Xây dựng chức năng phục hồi dữ liệu	Thực hiện phục hồi dữ liệu đã sao lưu vào hệ thống
2	<b>Xây dựng các chức năng nhập dữ liệu của hệ thống</b>	
2.1	+ Nhập thông tin nhập kho hàng hóa	Tạo mới, xem, sửa, xóa, in phiếu nhập kho hàng hóa
2.2	+ Nhập thông tin xuất kho hàng hóa	Tạo mới, xem, sửa, xóa, in phiếu xuất kho
2.3	+ Nhập thông tin xuất không qua kho	Tạo mới, xem, sửa, xóa, in phiếu xuất không qua kho
2.4	+ Nhập thông tin kiểm kê hàng hóa	Tạo mới, xem, sửa, xóa, in phiếu kiểm kê hàng hóa
2.5	+ Nhập thông tin chuyển kho nội bộ	Tạo mới, xem, sửa, xóa, in phiếu chuyển kho nội bộ
2.6	+ Nhập thông tin điều chỉnh số dư đầu năm	Tạo mới, xem, sửa, xóa điều chỉnh chứng từ số dư đầu năm
3	<b>Xây dựng các chức năng truy vấn thông tin</b>	
3.1	+ Xây dựng chức năng tra cứu thông tin xuất kho	Tìm kiếm thông tin, dữ liệu hàng hóa được xuất kho tại các kho
3.2	+ Xây dựng chức năng tra cứu thông tin nhập kho	Tìm kiếm thông tin, dữ liệu hàng hóa được nhập kho tại các kho
3.3	+ Xây dựng chức năng tra cứu thông tin xuất không kho	Tìm kiếm thông tin, dữ liệu hàng hóa theo hình thức xuất không qua kho tại các kho
3.4	+ Xây dựng chức năng tra cứu thông tin chuyển kho nội bộ	Tìm kiếm thông tin, dữ liệu hàng hóa thực hiện chuyển kho nội bộ giữa các kho
3.5	+ Xây dựng chức năng tra cứu đơn vị kiểm kê kho	Tìm kiếm thông tin, dữ liệu kiểm kê kho tại các kho
3.6	+ Xây dựng chức năng tra cứu đơn vị bán hàng	Tìm kiếm thông tin, dữ liệu đơn vị cung cấp hàng hóa
3.7	+ Xây dựng chức năng tra cứu đơn vị mua hàng	Tìm kiếm thông tin, dữ liệu đơn vị thực hiện mua sắm hàng hóa
3.8	+ Xây dựng chức năng tra cứu thông tin các mặt hàng	Tìm kiếm thông tin, dữ liệu các mặt hàng hiện có trong kho
3.9	+ Xây dựng chức năng tra cứu thông tin hợp đồng cung cấp hàng hóa	Tìm kiếm thông tin, dữ liệu các hợp đồng cung cấp hàng hóa
4	<b>Xây dựng các báo cáo, biểu mẫu thống kê</b>	
4.1	+ Thống kê danh sách hàng hóa	Chọn tham số báo cáo theo thời gian thống kê, in, kết xuất danh sách hàng hóa có trong kho
4.2	+ Thống kê danh sách đơn vị mua hàng	Chọn tham số báo cáo theo thời gian thống kê, in, kết xuất danh sách đơn vị mua hàng
4.3	+ Thống kê danh sách đơn vị bán hàng	Chọn tham số báo cáo theo thời gian thống kê, in, kết xuất danh sách đơn vị bán hàng

*thư*



		kê, in, kết xuất đơn vị cung cấp hàng
4.4	+ Thống kê danh sách phiếu nhập kho	Chọn tham số báo cáo theo thời gian thống kê, in, kết xuất danh sách các phiếu nhập kho
4.4	+ Thống kê danh sách phiếu xuất kho	Chọn tham số báo cáo theo thời gian thống kê, in, kết xuất danh sách các phiếu xuất kho
4.5	+ Thống kê báo cáo thông tin nhập kho	Chọn tham số báo cáo theo thời gian thống kê, in, kết xuất tình hình nhập kho
4.6	+ Thống kê báo cáo thông tin xuất kho	Chọn tham số báo cáo theo thời gian thống kê, in, kết xuất tình hình xuất kho
4.6	+ Thống kê báo cáo thông tin xuất không qua kho	Chọn tham số báo cáo theo thời gian thống kê, in, kết xuất tình hình xuất không qua kho
4.7	+ Thống kê báo cáo thông tin kiểm kê	Chọn tham số báo cáo theo thời gian thống kê, in, kết xuất tình hình kiểm kê
4.8	+ Thống kê báo cáo thông tin chuyển kho nội bộ	Chọn tham số báo cáo theo thời gian thống kê, in, kết xuất tình hình chuyển kho nội bộ
4.9	+ Thống kê báo cáo báo nợ hiện vật địa phương	Chọn tham số báo cáo theo thời gian thống kê, in, kết xuất tình hình báo nợ hiện vật địa phương
4.10	+ Thống kê tổng hợp xuất, nhập, tồn kho	Chọn tham số báo cáo theo thời gian thống kê, in, kết xuất tình hình xuất, nhập, tồn kho
4.11	+ Thống kê báo cáo tổng hợp tồn kho Bộ	Chọn tham số báo cáo theo thời gian thống kê, in, kết xuất tình hình tồn kho tại các kho
5	Giới thiệu, trợ giúp, tài liệu hướng dẫn sử dụng	Giới thiệu, trợ giúp kỹ thuật, file tài liệu hướng dẫn sử dụng

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**  
**PHỤ TRÁCH TỔNG CỤC**



**Nguyễn Văn Chuyên**

**TRƯỞNG PHÒNG H55**

*(Signature)*

**Lê Phương Thúy**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Tuấn Dũng**